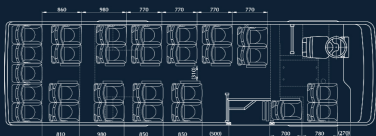


THÔNG SỐ KỸ THUẬT (TECHNICAL SPECIFICATIONS) XE KHÁCH SAMCO NEW FELIX CI_29/34 GHẾ

KÍCH THƯỚC (mm)	DIMENSION (mm)
Kích thước tổng thể (DxRxC) Overall dimension (LxWxR)	8200 x 2310 x 3140
Chiều dài cơ sở Wheel base	4175
Bán kính vòng quay nhỏ nhất Minimum turning radius	7800
TRỌNG LƯỢNG (kg)	WEIGHT (kg)
Trọng lượng không tải Kerb weight	5970 / 6050
Trọng lượng toàn bộ Gross weight	8800 / 8800
Số chỗ Seats (Include driver)	29 / 34 chỗ ngồi (kể cả ghế tài xế) 29 / 34 seats (Include driver)
Cửa lên xuống Door	01 cửa, đóng mở tự động bằng điện 01 door opens automatically by electrical
Kiểu Style	Kiểu cửa đôi, loại 02 cánh gấp mở vào trong Twin, fold in
XE NỀN	CHASSIS ISUZU NQR
ĐỘNG CƠ	ENGINE ISUZU Euro IV
Kiểu Model	4HK1E4NC
Loại Type	Diesel, 4 kỳ, 4 xy-lanh thẳng hàng, làm mát bằng nước, tăng áp Diesel, 4 Stroke cycle, 4 Cylinder in line, Water cooled, with Turbo
Dung tích Xy-lanh Displacement (cc)	5193
Tỷ số nén Compression ratio	17.5:1
Đường kính x hành trình piston Bore x stroke (mm)	115 x 125
Công suất tối đa (Ps/vòng/ph) Max Power (Ps/rpm)	155/2600
Momen xoắn cực đại (Nm/vòng/ph) Max torque (Nm/rpm)	419/(1600-2600)
Dung tích thùng nhiên liệu (lít) Fuel tank capacity (liter)	90
TRUYỀN ĐỘNG	TRANSMISSION
Ly hợp Clutch	1 đĩa ma sát khô; Dẫn động thủy lực, trợ lực chân không Dry single plate; Hydraulic operation, Clutch booster
Loại hộp số Transmission type	MYV6S, Cơ khí 6 tiến + 1 lùi 6 forward + 1 reverse
Tỷ số truyền Gear ratio	5,979 - 3,434 - 1,862 - 1,297 - 1,000 - 0,759 - R; 5,701
HỆ THỐNG LÁI	STEERING
Kiểu Type	Trục vít, Ecu-bi, trợ lực thủy lực, điều chỉnh được độ nghiêng và độ cao thấp Ball-nut type with integral hydraulic power booster. Tilt & Telescopic
HỆ THỐNG PHANH	BRAKE
Phanh chính Service Brake	Kiểu tang trống, mạch kép thủy lực, trợ lực thủy lực, ABS. Drum brake, dual circuit, hydraulic assistance; ABS.
Phanh tay Parking Brake	Kiểu tang trống, dẫn động cơ khí, tác động lên trục thứ cấp hộp số Drum brake, mechanical acting on output shaft.
Phanh phụ Exhaust Brake	Tác động lên ống xả. Air actuated operated, butterfly valve type; ABS
HỆ THỐNG TREO	SUSPENSION
Trước/ Sau Front/ Rear	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn bằng ống thủy lực có thanh cân bằng Dependent, semi - elliptic leaf springs with shock absorber.
Lốp xe - Trước/ Sau	TIRE - Front/ Rear
Lốp không săm Bridgestone 225/90R17.5	Tubeless Bridgestone 225/90R17.5
HỆ THỐNG ĐIỆN	ELECTRICAL SYSTEM
Điện áp Rated voltage	24V
Ắc-quy Battery	2 x (12V - 100AH)
ĐIỀU HÒA	AIR-CONDITIONER
Hiệu / Kiểu Manufacturer/ Model	Denso/MSD8i (16.767 kcal/hr)
CÁC TIỆN NGHI	ACCESSORIES
Thiết bị giải trí Audio and video system	DVD 2 DIN - 04 loa DVD 2 DIN - 04 speakers
TRANG BỊ	EQUIPMENT
Trang thiết bị tiêu chuẩn khác Other standard equipment	Camera lùi xe + màn hình 7 inch, Remote đóng mở cửa, đèn stop trên cao Backup camera + 7 inch monitor, Remote opens doors, Stop Lamp.
Trang bị riêng theo nhu cầu khách hàng (OPTIONS) Other option equipments	Thị tử lạnh (xe 29 chỗ), ampli, Mixer Audio, Thẻ dẫn đường Vietnam LCD fridge, amplifier, Mixer audio, Vietnam SI card
Lưu ý: Thông số kỹ thuật, trang bị có thể thay đổi mà không cần báo trước. Thời hạn bảo hành: 24 tháng hoặc 100.000km	Specifications could be changed without notice. Warranty period: 24 months or 100.000 kms.

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ GHẾ 29 CHỖ



SƠ ĐỒ BỐ TRÍ GHẾ 34 CHỖ



MÀU SẮC ĐA DẠNG THEO YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG



Đồng hành và chia sẻ

FELIX CI

SAMCO FELIX CI 29/34 GHẾ



EURO 4

CHINH PHỤC THỬ THÁCH - DẪN LỐI THÀNH CÔNG

TỔNG CTY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MTV
XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ Ô TÔ AN LẠC (SAMCO AN LẠC)

36 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP.HCM
ĐT: (028) 38.752.033 - Fax: (028) 37.512.726 - www.samcobus.vn

ĐẠI LÝ: